

# UNIT 1. MY HOBBIES

## I. VOCABULARY

Word	Type	Pronunciation	Meaning
<b>belong to</b>	(v)	/bɪ'lɒŋ tə/	thuộc về
<b>Ex:</b> Does this house <b>belong to</b> Mr. Winter? ( <i>Ngôi nhà này có phải thuộc về Mr. Winter không?</i> )			
<b>benefit</b>	(n, v)	/'benfɪt/	lợi ích, được lợi, giúp ích cho
<b>Ex:</b> People would <b>benefit</b> greatly from a pollution-free vehicle. ( <i>Con người sẽ được hưởng rất nhiều lợi ích từ phương tiện không ô nhiễm.</i> )			
<b>bug</b>	(n)	/bʌg/	con bọ
<b>Ex:</b> I've caught a <b>bug</b> . ( <i>Tôi vừa bắt được một con bọ.</i> )			
<b>cardboard</b>	(n)	/'kɑːdbɔːd/	bìa các tông
<b>Ex:</b> We can use <b>cardboard</b> to make a cat house. ( <i>Chúng ta có thể dùng bìa các tông để làm một căn nhà cho mèo.</i> )			
<b>dollhouse</b>	(n)	/'dɒlhaʊs/	nhà búp bê
<b>Ex:</b> She is building a <b>dollhouse</b> . ( <i>Cô ấy đang xây một căn nhà búp bê.</i> )			
<b>gardening</b>	(n)	/'gɑːdnɪŋ/	việc làm vườn
<b>Ex:</b> Doing <b>gardening</b> is an interesting hobby. ( <i>Làm vườn là một sở thích thú vị.</i> )			
<b>glue</b>	(n)	/gluː/	keo dán
<b>Ex:</b> He joined two blocks of wood with <b>glue</b> . ( <i>Anh ta ghép hai khối gỗ bằng keo.</i> )			
<b>horse riding</b>	(n)	/'hɔːs raɪdɪŋ/	việc cưỡi ngựa
<b>Ex:</b> Her hobbies are people-watching and <b>horse riding</b> . ( <i>Sở thích của cô ấy là nhìn dòng người qua lại và cưỡi ngựa.</i> )			
<b>insect</b>	(n)	/'ɪnsɛkt/	côn trùng
<b>Ex:</b> He has a collection of rare <b>insect</b> specimens. ( <i>Ông ấy có một bộ sưu tập các mẫu côn trùng quý hiếm.</i> )			
<b>jogging</b>	(n)	/'dʒɒŋɪŋ/	việc chạy bộ thư giãn

<b>Ex:</b> She goes <b>jogging</b> every morning. ( <i>Cô ấy chạy bộ mỗi sáng.</i> )			
<b>making models</b>	(phr)	/'meɪkɪŋ 'mɒdlz/	việc tạo mô hình
<b>Ex:</b> Her hobby is <b>making models</b> . ( <i>Sở thích của cô ấy là làm mô hình.</i> )			
<b>maturity</b>	(n)	/mə'tʃʊərəti/	sự trưởng thành
<b>Ex:</b> His performance was full of <b>maturity</b> and poise. ( <i>Màn trình diễn của anh ấy đầy trưởng thành và đĩnh đạc.</i> )			
<b>patient</b>	(adj)	/'peɪfnt/	kiên nhẫn
<b>Ex:</b> She is a <b>patient</b> girl. ( <i>Cô ấy là một cô gái kiên nhẫn.</i> )			
<b>popular</b>	(adj)	/'pɒpjələ(r)/	được nhiều người yêu thích, phổ biến
<b>Ex:</b> Football is one of the most <b>popular</b> sports in the world. ( <i>Bóng đá là một trong những môn thể thao phổ biến nhất trên thế giới.</i> )			
<b>responsibility</b>	(n)	/rɪ'spɒnsə'bɪləti/	sự chịu trách nhiệm
<b>Ex:</b> It's my <b>responsibility</b> to ensure the project finishes on time. ( <i>Tôi có trách nhiệm đảm bảo công việc hoàn thành đúng thời hạn.</i> )			
<b>set</b>	(v)	/set/	(mặt trời) lặn
<b>Ex:</b> The sun is <b>setting</b> . ( <i>Mặt trời đang lặn.</i> )			
<b>stress</b>	(n)	/stres/	<b>sự căng thẳng</b>
<b>Ex:</b> She felt <b>stress</b> before the entrance exam. ( <i>Cô ấy cảm thấy căng thẳng trước kì thi.</i> )			
<b>take on</b>	(phr)	/teɪk ɒn/	nhận thêm, thuê, mượn
<b>Ex:</b> Our store <b>takes on</b> extra employees during Christmas. ( <i>Cửa hàng của chúng tôi thuê thêm một vài nhân viên trong suốt dịp Giáng Sinh.</i> )			
<b>unusual</b>	(adj)	/ʌn'ju:zʊəl/	khác thường, hiếm, lạ
<b>Ex:</b> Carving eggshells is an <b>unusual</b> hobby. ( <i>Khắc vỏ trứng là một sở thích lạ.</i> )			
<b>valuable</b>	(adj)	/'væljuəbl/	quý giá

**Ex:** There are many valuable things in this museum. (*Có rất nhiều thứ quý giá trong bảo tàng này.*)

yoga	(n)	/'jʌʊgə/	yoga
------	-----	----------	------

**Ex:** Kate is doing **yoga**. (*Kate đang tập yoga.*)

**\* Some common hobbies (Tên một vài sở thích phổ biến)**

Word	Type	Pronunciation	Meaning
<b>to collect teddy bear</b>	v phr	/kə'lekt tedi beə(r)/	sưu tầm gấu bông
<b>to go to the cinema</b>	v phr	/gəʊ tu: ðə 'sɪnəmə/	đi xem phim
<b>to hang out with friends</b>	v phr	/tu: hæŋ aʊt wɪð frendz/	đi chơi với bạn bè
<b>to chat with friends</b>	v phr	tu: tʃæt wɪð frendz	nói chuyện với bạn
<b>to walk the dog</b>	v phr	/tu: wɔ:k ðə dɒg/	dắt chó đi dạo
<b>to collect stamps</b>	v phr	/tu: kə'lekt stæmps/	sưu tầm tem
<b>to play chess</b>	v phr	/tu: pleɪ tʃes/	chơi cờ vua
<b>to do sports</b>	v phr	/tu: du: spɔ:ts/	chơi thể thao
<b>to play computer games</b>	v phr	/tu: pleɪ kəm'pjʊ:tə geɪmz/	chơi game
<b>to go shopping</b>	v phr	/tu: gəʊ 'ʃɒpɪŋ/	đi mua sắm
<b>to watch television</b>	v phr	/tu: wɒtʃ 'telɪvɪʒən/	xem tivi
<b>to listen to music</b>	v phr	/tu: 'lɪsn tu: 'mju:zɪk/	nghe nhạc
<b>to play the guitar</b>	v phr	/tu: pleɪ ðə ɡɪ'tɑ:/	chơi ghi-ta
<b>to play the violin</b>	v phr	/tu: pleɪ ðə ,vaɪə'lm/	chơi violin
<b>cycling</b>	n	/'saɪklɪŋ/	đạp xe
<b>gardening</b>	n	/'gɑ:dnɪŋ/	làm vườn
<b>painting</b>	n	/'peɪntɪŋ/	vẽ tranh
<b>going camping</b>	v phr	/'gəʊɪŋ 'kæmpɪŋ/	cắm trại
<b>skating</b>	n	/'skeɪtɪŋ/	trượt băng/trượt pa-tanh
<b>bird-watching</b>	n	/bɜ:d-'wɒtʃɪŋ/	ngắm chim

<b>cooking</b>	n	/'kʊkɪŋ/	nấu ăn
<b>arranging flowers</b>	n	/ə'reɪndʒɪŋ 'flaʊəz/	cắm hoa
<b>walking</b>	n	/'wɔ:kɪŋ/	đi bộ
<b>dancing</b>	n	/'dɑ:nsɪŋ/	khiêu vũ

## II. WORD FORM

Word	Meaning	Related words	
<b>benefit (n)</b>	lợi ích	beneficial (adj)	beneficially (adv)
		benefit (v)	beneficiary (n)
<b>glue (n)</b>	keo, hồ dán	glue (v)	
<b>insect (n)</b>	côn trùng	insecticidal (adj)	insecticide (n)
<b>jogging (n)</b>	chạy bộ thư giãn	jog (v)	jogger(n)
<b>maturity (n)</b>	sự trưởng thành	mature (adj)	maturely (adv)
		mature (v)	maturational (adj)
		maturation (n)	
<b>patient (adj)</b>	kiên nhẫn	patient (n)	patiently (adv)
		patience (n)	
<b>popular (adj)</b>	được nhiều người yêu thích, phổ biến	popularity (n)	

<b>responsibility (n)</b>	sự chịu trách nhiệm	respond (v)	response(n)
		responsible (adj)	responsibly (adv)
		responsive (adj)	responsively (adv)
<b>stress (n)</b>	sự căng thẳng	stressful (adj)	stress (v)
		stressed(adj)	unstressed (adj)
<b>unusual (adj)</b>	khác thường, lạ, hiếm	unusually (adv)	usual (adj)
		usually (adv)	
<b>valuable (adj)</b>	quý giá	valuation (n)	value (n)
		value (v)	

### III. GRAMMAR

#### 1. THE PRESENT SIMPLE (Thì hiện tại đơn)

##### a. Cấu trúc

	Chủ ngữ số ít	Chủ ngữ số nhiều
<b>Câu khẳng định</b>	S + V <sub>s/es</sub>	S + V
<b>Câu phủ định</b>	S + doesn't+ v	S + don't+ V
<b>Câu nghi vấn</b>	Does + S + V?	Do + S + V?

##### b. Cách sử dụng

# Thì hiện tại đơn dùng để diễn đạt một hành động lặp đi lặp lại như một thói quen ở hiện tại.

**Ex.** We often goto New York in summer holiday.

*(Chúng tôi thường tới New York vào kì nghỉ hè.)*

**Ex.** She always has breakfast at 7 a.m.

*(Cô ấy thường xuyên ăn sáng lúc 7 giờ.)*

# Thì hiện tại đơn diễn tả một chân lý hoặc một sự thật hiển nhiên.

**Ex.** The Earth goes around the Sun.

*(Trái đất quay quanh Mặt trời.)*

**Ex.** Today is Sunday.

*(Hôm nay là Chủ nhật.)*

# Thì hiện tại đơn diễn tả một lịch trình, thời gian biểu.

**Ex.** The news programme starts at 7 p.m.

*(Chương trình thời sự bắt đầu lúc 7 giờ tối.)*

**Ex.** We have Maths on Mondays.

*(Chúng tôi có tiết Toán vào các ngày thứ Hai.)*

##### c. Dấu hiệu nhận biết

✓ Trong câu thường có các trạng từ chỉ tần suất như: **always** (luôn luôn), **usually** (thường xuyên), **often** (thường xuyên) **sometimes** (thỉnh thoảng.), hoặc **every + day/ week/ month/ year** (mọi ngày/ tuần/ tháng/ năm), ...

#### 2. VERBS OF LIKING AND DISLIKING (Động từ chỉ sự yêu thích và không thích)

✚ Một số động từ chỉ sự yêu thích và không thích như: **like, love, prefer, enjoy, fancy, mind, dislike** và **hate**. Chúng ta thường sử dụng dạng V-ing theo sau các động từ này.

**Ex.** Mark likes collecting stamps.

*(Mark thích sưu tầm tem.)*

**Ex.** David dislikes playing boardgames.

*(David không thích các trò chơi ô chữ.)*

**Ex.** We enjoy playing football after school.

*(Chúng tôi thích chơi bóng đá sau giờ tan học.)*

**Ex.** Do you fancy listening to music?

*(Bạn có thích nghe nhạc không?)*

**+ Lưu ý:** một số động từ như: **like, love, hate** và **prefer** có thể theo sau bởi cả *V-ing* hoặc *to V*

**Ex.** Mark likes collecting/ to collect stamps.

*(Mark thích sưu tầm tem.)*

**Ex.** We hate doing/ to do homework.

*(Chúng tôi không thích làm bài tập về nhà.)*

**+ Một số cấu trúc khác nói về sự yêu thích**

- Một số cấu trúc khác nói về sự yêu thích mà chúng ta có thể vận dụng để biến đổi cấu trúc linh hoạt thay vì lặp đi lặp lại **I like/I love**

① **I am quite into + V-ing/something:** Tôi thích làm gì/ cái gì

**Ex.** I am quite into playing football - I get very excited about it.

*(Tôi rất thích chơi bóng đá - Tôi rất hào hứng với nó.)*

② **I am a big fan of + V-ing/something:** Tôi là người hâm mộ của ai.

**Ex.** I am a big fan of horror movie - I see all horror movies on the cinema.

*(Tôi là người hâm mộ phim kinh dị - Tôi xem tất cả các bộ phim kinh dị chiếu ở rạp.)*

**Ex.** She is a big fan of pop music.

*(Cô ấy là một người hâm mộ nhạc pop.)*

③ **To be interested in + V-ing:** Quan tâm, yêu thích làm gì

**Ex.** I am interested in cooking.

*(Tôi rất yêu thích việc nấu ăn.)*

**Ex.** Are you interested in reading books?

*(Bạn có thích đọc sách không?)*

④ **To be keen on V-ing/something:** Say mê, yêu thích điều gì

**Ex.** She is keen on doing DIY.

*(Cô ấy say mê làm các dự án cá nhân.)*

**Ex.** I am really keen on going to eat in Thai restaurants. Thai food is very delicious.

*(Tôi rất thích tới ăn ở nhà hàng Thái. Đồ ăn Thái rất ngon.)*



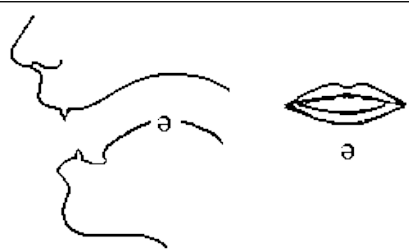
## IV. PRONUNCIATION

### SOUND /ə/ AND /ɜ:/

#### 1. Cách phát âm âm /ə/ và âm /ɜ:/

##### + Cách phát âm âm /ə/

/ə/ là một nguyên âm ngắn. Để phát âm âm này, hãy mở miệng thật nhẹ và đơn giản. Môi và lưỡi được thư giãn và phát âm /ə/.



##### + Cách phát âm âm /ɜ:/

/ɜ:/ là một nguyên âm dài. Để phát âm âm này, miệng mở tự nhiên, lưỡi đặt tự nhiên, cao vừa phải, nhưng cao hơn khi phát âm /ə/. Âm phát ra dài hơn /ə/.



#### 2. Dấu hiệu nhận biết

##### ▣ Âm /ə/

① "a" được phát âm là /ə/

Words	Type	Pronunciation	Meaning
ban <u>a</u>	n	/bə' nɑ: nə/	quả chuối
sof <u>a</u>	n	/' sɔ: fə/	ghế bành
ap <u>a</u> rtment	n	/ə' pɑ: tmənt/	căn hộ
separ <u>a</u> te	adj, v	/' seprət/	riêng lẻ, tách rời

② "e" được phát âm là /ə/

Words	Type	Pronunciation	Meaning
answ <u>e</u> r	n, v	/' ɑ: nsə(r)/	trả lời
moth <u>e</u> r	n	/' mʌ ðə(r)/	mẹ
op <u>e</u> n	v	/' ə: pən/	mở ra

③ "o" được phát âm là /ə/

Words	Type	Pronunciation	Meaning
com <u>o</u> pare	v	/kəm' peə(r)/	so sánh

control	v	/kən'trəʊl/	kiểm soát
continue	v	/kən'tɪnjuː/	tiếp tục
freedom	n	/'fri:dəm/	sự tự do

④ "u" được phát âm là /ə/

Words	Type	Pronunciation	Meaning
upon	prep	/ə'pʊn/	bên trên
picture	n	/'pɪktʃə(r)/	bức tranh
suggest	v	/sə'dʒest/	gợi ý, đề nghị
surprise	v	/sə'praɪz/	ngạc nhiên

⑤ "ou" được phát âm là /ə/

Words	Type	Pronunciation	Meaning
famous	adj	/'feɪməs/	nổi tiếng
dangerous	adj	/'deɪndʒərəs/	nguy hiểm
anxious	adj	/'æŋkʃəs/	lo âu

▣ Âm /ɜ:/

① "o" thường được phát âm là /ɜ:/ trong một số trường hợp

Words	Type	Pronunciation	Meaning
work	n	/wɜ:k/	công việc
world	n	/wɜ:ld/	thế giới
word	n	/wɜ:d/	từ
worse	adj	/wɜ:s/	tệ/xấu hơn

② "u" còn được phát âm là /ɜ:/

Words	Type	Pronunciation	Meaning
burn	v	/bɜ:n/	đốt cháy
burglar	n	/'bɜ:glə(r)/	kẻ trộm
burly	adj	/'bɜ:li/	lực lưỡng, vạm vỡ
curtain	n	/'kɜ:tn/	rèm cửa

③ "i", "e", "ea" và "ou" thỉnh thoảng cũng được phát âm là /ɜ:/ khi trọng âm rơi vào những từ này.

Words	Type	Pronunciation	Meaning
bird	n	/bɜ:d/	con chim
herd	n	/hɜ:d/	bầy, đàn, bọn, bè lũ
were	v	/wɜ:r/	thì, là (quá khứ của to be)
courtesy	adj	/'kɜ:təsi/	lịch sự, nhã nhặn

girl	n	/gɜ:l/	cô gái
early	adj	/'ɜ:li/	sớm
search	v	/sɜ:tʃ/	tìm kiếm
sir	n	/sɜ:r/	ngài (trong xưng hô)
circuit	n	/'sɜ:kɪt/	chu vi, mạch điện

## V. PRACTICE

**Exercise 1. Put the words in the correct column depending on the pronunciation.**

mother	work	learn	sunburn	service
birth	early	expert	collect	leisure
around	upon	singer	shirt	pottery
murderer	parent	nature	world	surfing

/ə/	/ɜ:/

**Exercise 2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.**

- A. pottery      B. flower      C. silent      D. service
- A. girl      B. expert      C. open      D. burn
- A. sentence      B. world      C. picture      D. dangerous
- A. game      B. arrange      C. skate      D. cake
- A. hobby      B. doll      C. college      D. over
- A. prefer      B. better      C. teacher      D. worker
- A. bear      B. hear      C. dear      D. near
- A. collect      B. concern      C. concert      D. combine
- A. absent      B. government      C. dependent      D. enjoy
- A. future      B. return      C. picture      D. culture

**Exercise 3. Look at the photo and write the correct words. The first letter is a hint for you.**

dancing

cooking

cycling

**making pottery**

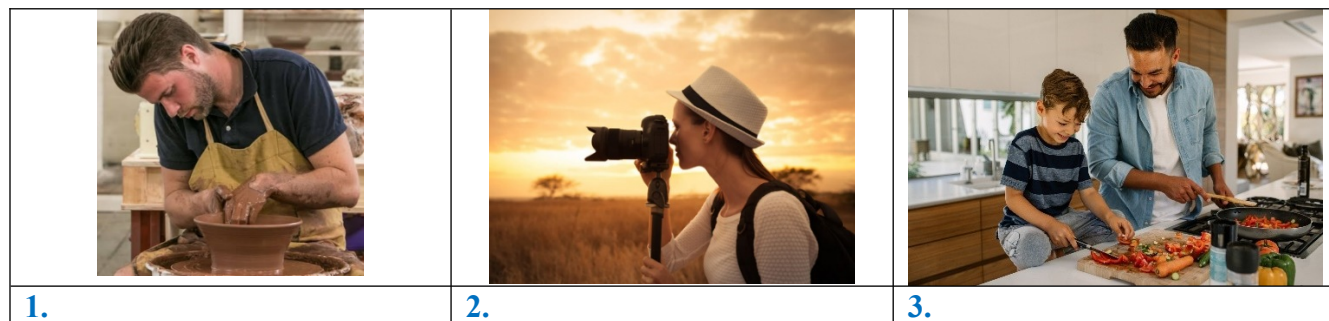
**taking photos**

**watching TV**

**learning English**

**carving wood**

**surfing the Internet**



**Exercise 4. Complete the sentences with the words from the box.**

<b>gardening</b>	<b>photos</b>	<b>model cars</b>	<b>eggshells</b>
<b>painting</b>	<b>fishing</b>	<b>music</b>	<b>swimming</b>

1. She usually goes \_\_\_\_\_ with her friends in the pool near her school.
2. Sarah likes \_\_\_\_\_. She plants lots of flowers and vegetables in her home garden.
3. Every weekend, I go \_\_\_\_\_ in my uncle's boat, or just off the shoreline.
4. In later years, he took up \_\_\_\_\_ as a hobby. He drew water colour landscapes.
5. My hobby is listening to \_\_\_\_\_. It can help relax my mind.
6. I have recently started a new hobby – collecting \_\_\_\_\_.
7. Most people take \_\_\_\_\_ and post them on their social networking accounts.

8. Carving \_\_\_\_\_ is a great hobby that can make you happier.

**Exercise 5. Complete the sentences with the words in the box.**

films	dub	music	books	photography
swimming	basketball	zoo	skating	chess

1. I really like \_\_\_\_\_ - especially in the sea.
2. I'm interested in \_\_\_\_\_. My favourite band is T-ara from Korea.
3. I love \_\_\_\_\_. I go to the cinema every weekend.
4. I really like I don't play it, but I watch matches on TV.
5. My hobby is \_\_\_\_\_. I have a new camera.
6. I love \_\_\_\_\_. My favourite writer is To Hoai.
7. I really love \_\_\_\_\_ in the park with my friends.
8. I like \_\_\_\_\_. I play against my dad. I also play against other people on the Internet.
9. I've just joined the local tennis \_\_\_\_\_.
10. We could hear the lions roaring at the end of the \_\_\_\_\_.

**Exercise 6. Give the correct form of the words in brackets.**

1. The most popular after-school \_\_\_\_\_ in Viet Nam are football and badminton. (act)
2. The city library has over 60 \_\_\_\_\_. (employ)
3. English is an \_\_\_\_\_ and important subject. (interest)
4. Science books are very \_\_\_\_\_ for our study of the world. (use)
5. Ba is a famous stamp \_\_\_\_\_. (collect)
6. They learn to play a instrument \_\_\_\_\_. (music)
7. The team has many talented \_\_\_\_\_. (play)
8. We sat on the beach \_\_\_\_\_ a spectacular sunset. (watch)

**Exercise 7. Put the verbs in brackets in the correct form of present simple tense.**

1. Where \_\_\_\_\_ that guy \_\_\_\_\_ from? (come)
2. Where \_\_\_\_\_ your mother \_\_\_\_\_? (work)
3. James \_\_\_\_\_ usually \_\_\_\_\_ the trees. (not water)
4. Who \_\_\_\_\_ the washing in your house? (do)
5. They \_\_\_\_\_ out once a week. (eat)
6. My father always \_\_\_\_\_ delicious meals. (make)

7. Tom \_\_\_\_\_ vegetables. (not eat)
8. Rosie \_\_\_\_\_ shopping every week. (go)
9. \_\_\_\_\_ Miley and David \_\_\_\_\_ to work by bus every day? (go)
10. \_\_\_\_\_ your parents \_\_\_\_\_ with your decision? (agree)
11. It (be) \_\_\_\_\_ a fact that smart phone (help) \_\_\_\_\_ us a lot in our life.
12. I often (travel) \_\_\_\_\_ to some of my favorite destinations every summer.
13. Our Math lesson usually (finish) \_\_\_\_\_ at 4.00 p.m.
14. The reason why Susan (not eat) \_\_\_\_\_ meat is that she (be) \_\_\_\_\_ a vegetarian.
15. People in Ho Chi Minh City (be) \_\_\_\_\_ very friendly and they (smile) \_\_\_\_\_ a lot.
16. The flight (start) \_\_\_\_\_ at 6 a.m every Thursday.
17. Peter (not study) \_\_\_\_\_ very hard. He never gets high scores.
18. I like oranges and she (like) \_\_\_\_\_ apples.
19. My mom and my sister (cook) \_\_\_\_\_ lunch every day.
20. They (have) \_\_\_\_\_ breakfast together every morning.

**Exercise 8. Underline the mistake and correct it.**

1. I often gets up early to catch the bus to go to school.

\_\_\_\_\_.

2. She teach students in a local high school.

\_\_\_\_\_.

3. They doesn't own a house. They still have to rent one to live.

\_\_\_\_\_.

4. Dang Van Lam am a famous goalkeeper in the National Football Team.

\_\_\_\_\_.

5. What do your brother do?

\_\_\_\_\_.

6. Bruce and Tim doesn't go swimming in the lake.

\_\_\_\_\_.

7. Hannah speak Chinese very well.

\_\_\_\_\_.

8. How often does she goes shopping in the supermarket?

\_\_\_\_\_.

9. Our dogs aren't eat bones.

\_\_\_\_\_.

10. Mary's parents is very friendly and helpful.

---

**Exercise 9. Put the verbs in brackets into the correct form.**

1. I enjoy (play) \_\_\_\_\_ football with my friends.
2. I like (go) \_\_\_\_\_ swimming with you.
3. They hate (paint) \_\_\_\_\_ but they like (swim)
4. Tom doesn't want (move) \_\_\_\_\_ to the city.
5. My sister is interested in (cook) \_\_\_\_\_ good very much. She can cook many foods.
6. Every year, my mother (give) \_\_\_\_\_ me a nice doll on my birthday.
7. She loves (do) \_\_\_\_\_ the gardening.
8. (You/think) \_\_\_\_\_ he can do this job?
9. We (go) \_\_\_\_\_ to the cinema three times a month.
10. My hobby is (collect) \_\_\_\_\_ stamps.
11. What (you/do) \_\_\_\_\_ in your free time?
12. Hoa spends lots of time (read) \_\_\_\_\_ books.
13. I don't think we (have) \_\_\_\_\_ much free time.
14. My brother (listen) \_\_\_\_\_ to music every day.
15. James never (watch) \_\_\_\_\_ TV at night.

**Exercise 10 a. Complete the paragraph with the words in the box and give the correct form of verbs if necessary.**

**go - play - watch - listen**

John has a lot of hobbies. He (1) \_\_\_\_\_ chess at school and he also (2) \_\_\_\_\_ skating. After dinner, he (3) \_\_\_\_\_ for a walk and he (4) \_\_\_\_\_ to music every evening in his room. John loves sports. He (5) \_\_\_\_\_ football afterschool.

On Saturdays, John and his friends (6) \_\_\_\_\_ swimming. On Sundays, they (7) \_\_\_\_\_ basketball in the part. On Sunday evenings, they sometimes (8) \_\_\_\_\_ a film.

**Exercise 10 b. Circle the mistakes in each sentence.**

1. I find carve (A) eggshells boring (B) because it takes (C) a lot of time to (D) complete one shell.
2. My brother not goes (A) to class to (C) learn how to paint.
3. I take (A) up my hobby (B) when I came back (C) home from (D) the Art Gallery.
4. I think playing (A) volleyball interest (B) because it is (C) a team (D) game.
5. In (A) my opinion, more (B) people play (C) monopoly in (D) the future.



**Exercise 11. Complete the sentences with the correct form of the verbs in brackets.**

1. Would you mind (watch) \_\_\_\_\_ my bag for a few minutes?
2. I enjoy (listen) \_\_\_\_\_ to music while I'm doing the cooking.
3. He wants (buy) \_\_\_\_\_ a new computer game.
4. I'd like (speak) \_\_\_\_\_ to Mr. Davis, please. Is he there?
5. Please avoid (make) \_\_\_\_\_ silly mistakes in this exercise.
6. The children would love (eat) \_\_\_\_\_ French fries.
7. She really loves (work) \_\_\_\_\_ with children.
8. We tried (call) \_\_\_\_\_ you but your mobile was off.
9. They intend (build) \_\_\_\_\_ houses on the school playing fields.
10. I can't stand (do) \_\_\_\_\_ the washing up.

**Exercise 12. Choose the best answer A, B, C or D to complete the sentences.**

1. Nowadays people \_\_\_\_\_ hours sitting in front of computers.  
A. take      B. last      C. set      D. spend
2. I think you should take up swimming \_\_\_\_\_ it is suitable for your health condition.  
A. so      B. because      C. although      D. but
3. My family enjoys \_\_\_\_\_ because we can sell vegetables and flowers \_\_\_\_\_ money.  
A. garden-to      B. gardening-for      C. gardening-with      D. garden-of
4. If your hobby is greeting card making, you can give your \_\_\_\_\_ to your friends as presents.  
A. hobby      B. money      C. greetings      D. products
5. My sister's hobby is sewing, and she can get the sewing patterns from the \_\_\_\_\_ magazines.  
A. fashion      B. cooking      C. sports      D. science
6. There are many \_\_\_\_\_ why it is important to have a hobby.  
A. answers      B. reasons      C. details      D. facts
7. Will you \_\_\_\_\_ making models in the future?  
A. pickup      B. look for      C. take up      D. find
8. Do you think that hobby is \_\_\_\_\_ and boring?  
A. easy      B. difficult      C. danger      D. interesting
9. I love my sister's paintings because she is very \_\_\_\_\_ in using colours.

A. careless                  B. care                          C. creative                      D. imagine

10. A hobby helps you to connect with \_\_\_\_\_ people.

A. other                      B. others                      C. another                      D. the other

11. I join a photography club, and all the members love \_\_\_\_\_ a lot of beautiful photos.

A. take                      B. taking                      C. make                      D. making

12. What does your father \_\_\_\_\_ do his free time?

A. in                          B. at                          C. on                          D. while

13. I think a hobby will always give you \_\_\_\_\_ and help you \_\_\_\_\_.

A. pleased – relax    B. pleasure – relaxed

C. pleased – relaxing                                      D. pleasure – relax

14. You can share your stamps \_\_\_\_\_ other collectors \_\_\_\_\_ a stamp club.

A. with-at                      B. to-at                      C. with-in                      D. to-in

15. I think this hobby does not cost you much, and \_\_\_\_\_ you need is time.

A. most                      B. all                      C. some                      D. all of

**Exercise 13. Read the text carefully, then decide whether the following statements are true (T) or false (F).**

Our life would be hard without rest and recreation. And people have many different ideas of how to spend their free time. If you enjoy doing a thing or an activity in your free time, then you have a hobby. A hobby is an activity, interest, enthusiasm or pastime that is undertaken for pleasure or relaxation, done during one's own time. A person's hobbies depend on his age, character and personal interests. An interesting thing to one person can be boring to another. That's why some people prefer reading, cooking, knitting, collecting, playing a musical instrument, photography or playing computer games while others prefer dancing, travelling, camping or sports.

No.	Statements	T or F
1.	A hobby is anything that you enjoy doing in your free time.	
2.	Different people have the same hobbies.	
3.	A hobby can provide US with relaxation.	
4.	Your hobby may be changed as you get older.	
5.	One person's hobby may be a boring thing to another person.	
6.	Playing sports is not a hobby.	

### Exercise 14. Read the passage, and then choose the correct answer.

Stamp collecting is an interesting hobby. You can learn many things, such as the geography of a country from stamps. Postal stamps are a source of interesting facts and important dates about every country in the world. It makes stamp collecting become very popular.

As you look at the pages of a stamp album, you can learn interesting details of foreign customs, arts, literature, history and culture. Their colours can make you feel relaxed and happy.

Collecting stamps can become a **business**. If you are lucky in finding a special stamp, it will bring you some money besides knowledge and pleasure.

1. Stamp collecting is an interesting hobby because \_\_\_\_\_.
  - A. you can learn many things such as the geography of a country from stamps
  - B. stamps give you interesting facts and important dates about a country
  - C. it is very important to collect stamps
  - D. A and B are correct
2. All of the following are true EXCEPT \_\_\_\_\_.
  - A. stamps can make you relaxed and happy
  - B. stamps can make you know more
  - C. stamp collecting can make you famous
  - D. you can earn money from your collection if you are lucky
3. According to the passage, it infers that \_\_\_\_\_.
  - A. stamp collecting helps you become rich and famous
  - B. stamp collecting is a very popular hobby
  - C. stamp collectors can earn a lot of money from stamp collecting
  - D. stamp collecting is a hobby that costs you a lot of money
4. The word "**business**" in the last paragraph is closest in meaning to \_\_\_\_\_.
  - A. the activity of collecting stamps
  - B. the activity of selling stamps from other countries
  - C. the activity of buying stamps from other countries
  - D. the activity of buying or selling something
5. The main idea of the passage is \_\_\_\_\_.
  - A. the history of stamp collecting
  - B. good things from stamp collecting
  - C. the ways of stamp collecting
  - D. famous stamp collectors

**Exercise 15 a. Make correct sentences from the words and phrases given.**

1. We/ enjoy/ play/ chess/ free time.

→ \_\_\_\_\_.

2. She/ interested / arranging flowers?

→ \_\_\_\_\_.

3. Alex/ keen/ photos. He/ photos/ every day.

→ \_\_\_\_\_.

4. My mom/ not/ love/ bird watching. She/ like/ shopping

→ \_\_\_\_\_.

5. Your brothers/ hate/ playing / drums?

→ \_\_\_\_\_.

**Exercise 15 b. Rewrite the sentences without changing the meaning.**

1. I find collecting glass bottles interesting.

→ My hobby is

2. Van's brother usually goes to work by motorbike.

→ Van's brother usually rides

3. Linh finds playing boarding games boring.

→ Linh doesn't like

4. My sister enjoys arranging flowers.

→ My sister finds

5. My father likes doing gardening at the weekend.

→ My father enjoys

**Exercise 16. Make questions for the underlined parts.**

1. A: \_\_\_\_\_.

B: My hobby is playing badminton.

2. A: \_\_\_\_\_.

B: I started my hobby three years ago.

3. A: \_\_\_\_\_.

B: I enjoy my hobby because I think it's funny.

4. A: \_\_\_\_\_.

B: I spend three hours a day on my hobby.

5. A: \_\_\_\_\_.

B: Tony usually plays volleyball in his free time.

6. A: \_\_\_\_\_.

B: He plays volleyball twice a week.

7. A: \_\_\_\_\_.

B: He often plays volleyball in the stadium near his school.

8. A: \_\_\_\_\_.

B: He likes to play table tennis with his friends.

9. A: \_\_\_\_\_.

B: Tom often plays football in his free time.

10. A: \_\_\_\_\_.

B: Linda is playing chess with her mother in the room.